

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ II NĂM 2022**

---

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>384,583,638,278</b>	<b>354,712,624,804</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>10,201,617,206</b>	<b>12,510,181,537</b>
1. Tiền	111		10,201,617,206	12,510,181,537
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>323,135,768,344</b>	<b>311,649,146,102</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	46,990,196,649	47,695,094,492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	266,768,178,545	259,835,320,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8,300,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	1,077,393,150	4,118,731,610
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>45,679,269,090</b>	<b>27,765,066,370</b>
1. Hàng tồn kho	141		45,679,269,090	27,765,066,370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,566,983,638</b>	<b>2,788,230,795</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	1,639,083,735	20,198,484
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,927,899,903	2,724,612,194
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			43,420,117
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			

<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>278,714,464,987</b>	<b>246,677,098,536</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		10,093,899,930	10,093,899,930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	10,093,899,930	10,093,899,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,200,678,845</b>	<b>2,490,560,043</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2,200,678,845	2,490,560,043
- Nguyên giá	222		5,335,124,014	5,335,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,134,445,169)	(2,844,563,971)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
2. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>62,192,886,212</b>	<b>28,370,251,818</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	62,192,886,212	28,370,251,818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>204,227,000,000</b>	<b>204,227,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.09	204,227,000,000	204,227,000,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			



<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			<b>1,495,386,745</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			1,495,386,745
2. Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>663,298,103,265</b>	<b>601,389,723,340</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32,273,563,492</b>	<b>7,814,547,422</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32,273,563,492</b>	<b>7,814,547,422</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	17,108,565,085	3,839,131,965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		794	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	513,070,931	251,776,736
4. Phải trả người lao động	314		2,358,695,575	283,836,892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	652,391,780	249,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2,463,064,740	1,019,027,242
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		7,006,000,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2,116,800,000	2,116,800,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>631,024,539,773</b>	<b>593,575,175,918</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>631,024,539,773</b>	<b>593,575,175,918</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(193,750,000)	(70,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			

5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190,974,551,254	156,499,726,633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		156,763,949,301	95,601,300,613
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34,210,601,953	60,898,426,020
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5,380,891,208	2,282,601,974
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 400 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>663,298,103,265</b>	<b>601,389,723,340</b>

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2022

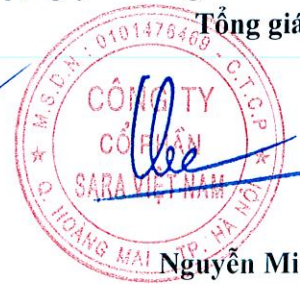
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Chử Thị Ngọc Hà

Phạm Thị Minh Thư



Nguyễn Minh Tâm



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II/2022	QUÝ II/2021	Lũy kế từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Lũy kế từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	36,700,252,001	24,099,876,002	69,618,196,219	42,568,939,614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	9,388,856	8,103,136	12,828,866	11,896,790
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36,690,863,145	24,091,772,866	69,605,367,353	42,557,042,824
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	15,501,004,549	10,089,397,634	30,433,468,775	23,869,538,411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21,189,858,596	14,002,375,232	39,171,898,578	18,687,504,413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	161,226,678	805,646	289,553,686	7,996,292
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	468,035,044	21,729,410	468,035,044	2,150,398,700
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		212,602,739	0	212,602,739	2,128,537,290
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0	0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	258,562,950	300,751,726	655,143,929	539,592,017
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1,773,679,365	954,533,252	2,815,810,086	1,679,328,354
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,850,807,915	12,726,166,490	35,522,463,205	14,326,181,634

12. Thu nhập khác	31		1	0	227,011	0
13. Chi phí khác	32	VI.08	6,954,615	2,379,019	192,573,946	3,069,221
14. Lợi nhuận khác	40		-6,954,614	-2,379,019	-192,346,935	-3,069,221
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18,843,853,301</b>	<b>12,723,787,471</b>	<b>35,330,116,270</b>	<b>14,323,112,413</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	132,560,609	432,536,421	472,472,922	432,536,421
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
<b>18. Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18,711,292,692</b>	<b>12,291,251,050</b>	<b>34,857,643,348</b>	<b>13,890,575,992</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		18,365,436,352	12,301,612,020	34,210,601,953	13,812,719,436
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		345,856,340	-10,360,970	647,041,395	77,856,556
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	425	303	792	338
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		425	303	792	338

Người lập biểu

*[Signature]*

Chữ Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****QUÝ II NĂM 2022**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Lũy kế từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		73,100,200,176	137,972,932,767
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(103,105,174,697)	(383,910,126,506)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,418,894,579)	(1,568,626,108)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			(3,765,863,141)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		37,137,716,860	106,399,805,977
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20,979,868,381)	(9,819,592,541)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(15,266,020,621)</b>	<b>(154,691,469,552)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(436,085,000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,004,500,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,500,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	44,900,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17,148,319,237	7,836,996,292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6,712,234,237</b>	<b>52,736,996,292</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			180,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		11,804,500,000	10,060,000,000



4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6,014,500,000)	(90,030,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5,790,000,000</b>	<b>100,030,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2,763,786,384)</b>	<b>(1,924,473,260)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>12,965,403,590</b>	<b>6,279,504,107</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>10,201,617,206</b>	<b>4,355,030,847</b>

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Chử Thị Ngọc Hà

Phạm Thị Minh Thư



Nguyễn Minh Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II NĂM 2022****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;  
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;  
- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
  - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển  
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

***Các Công ty con:***

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp thực tế</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Lạng Sơn Osaka *	Lô M3, cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Móng Cái OSAKA *	Khu 7,, Phường Hải Yên, Thành phố Móng cái, Quảng Ninh	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	98%	Sản xuất vật tư y tế, đóng gói hóa chất
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Y Tế Việt	35 BT5 KĐT Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	98%	Lập trình máy tính, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Phòng Khám Tân Triều	Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang	Số 16, đường số 4, Khu vực 4, Phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt	Tầng 1, T78-G2 Khu đất dàu	98%	Phòng khám đa

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

Nam Osaka	giá 31ha - Thị trấn Trâu Quỳ - Huyện Gia Lâm - Hà Nội.		khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty cổ thiết bị công nghệ cao Vũng Áng OSAKA	Khu công nghiệp Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	99%	Sản xuất vật tư y tế, đóng gói hóa chất
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare QUẬN 12 **	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.	96,04%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare NAM SÀI GÒN **	568 Lê Văn Lương, Ấp 3, xã Phước Kiến, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	96,04%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Vũng Tàu	Tầng trệt, số 9 Tô Hiến Thành, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh

(\*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka.

(\*\*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản.

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

---

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá** Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ JPY

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

05

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

*Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

### 13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 15. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.095.733.765	3.471.096.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.105.883.441	9.039.085.119
<b>Cộng</b>	<b>10.201.617.206</b>	<b>12.510.181.537</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i><b>Phải thu các khách hàng khác</b></i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn quốc tế Aiko	9.500.000.000	-	30.096.000.000	-
JWB CO.,LTD	1.056.2972.994	-	12.689.600.000	-
Công ty cổ phần phòng khám				
HEATHCARE Nam Sài Gòn	-		1.066.636.667	
Công ty cổ phần phòng khám				
HEATHCARE Q.12	-		3.700.000.000	
Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Hạ				
Long Kyoto	10.800.000.000			
Công ty cổ phần công nghệ cao y tế và				
môi trường Hạ Long Tokyo	2.347.241.400			
CÔNG TY CỔ PHẦN KANPEKI NHẬT				
BẢN	4.250.880.000			
KYOTO F&B Co., LTD	7.750.480.320			
CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU				
ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI SÔNG				
HẬU	1.144.800.000			
Các khách hàng khác	633.821.935	-	142.857.825	-
<b>Cộng</b>	<b>46.990.196.649</b>	<b>-</b>	<b>47.695.094.492</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**  
 cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán khác</i>				
Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật	56.380.000.000	-	72.280.000.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou	20.940.000.000	-	26.840.000.000	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	32.302.509.974	-	66.691.090.000	-
Công ty Cổ phần TTXN và MTCT	48.260.000.000	-	38.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang	34.500.000.000	-	20.500.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM H&T	0	-	370.730.000	-
Công ty TNHH Công trình và thiết bị kỹ thuật Miền Nam	35.000.000.000		35.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	38.940.000.000			
Các nhà cung cấp khác	445.668.571	-	153.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>266.768.178.545</b>	<b>-</b>	<b>259.835.320.000</b>	<b>-</b>

**4. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-		-
Công ty Cổ phần đầu tư KTC Cần Thơ - Cổ tức, lợi nhuận được chia		-	1.643.731.610	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		-		-
Công ty Quản lý quỹ Bông Sen(*)	2.900.000	-	2.900.000	-
Tạm ứng	560.000.000	-	2.401.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	71.000.000	-	71.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	443.493.150	-		-
<b>Cộng</b>	<b>1.077.393.150</b>	<b>-</b>	<b>4.118.731.610</b>	<b>-</b>

**b) Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu(*)	6.171.700.000	-	6.171.700.000	-
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ(**)	3.922.199.930	-	3.922.199.930	-
<b>Cộng</b>	<b>10.093.899.930</b>	<b>-</b>	<b>10.093.899.930</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm- không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 6 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/1203/2021/SRA-SARAVT ngày 12 tháng 03 năm 2021.  
 tổng vốn dự kiến của Dự án là 123.434.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 6.171.700.000 VND tương đương 5% tổng vốn, thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 95:5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**  
 cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

(\*\*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HDHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	45.679.269.090	-	27.765.066.370	-
<b>Cộng</b>	<b>45.679.269.090</b>	<b>-</b>	<b>27.765.066.370</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước	1.639.083.735	20.198.484
<b>Cộng</b>	<b>1.639.083.735</b>	<b>20.198.484</b>

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5,335,124,014	-	5,335,124,014
Giảm do thoái vốn			
Giảm do thanh lý			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5,335,124,014</b>	<b>-</b>	<b>5,335,124,014</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.844.563.971	-	2.844.563.971
Khấu hao trong kỳ	289.881.198	-	289.881.198
Giảm do thoái vốn	-	-	-
Giảm do thanh lý			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.134.445.169</b>	<b>-</b>	<b>3.134.445.169</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.490.560.043	-	2.490.560.043
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.345.619.444</b>	<b>-</b>	<b>2.345.619.444</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định	Số cuối kỳ
Tài sản dở dang	28.370.251.818			62.192.886.212
<b>Cộng</b>	<b>28.370.251.818</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.192.886.212</b>

Là chi phí mua sắm tài sản dở dang cho các Công ty phòng khám.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**  
 cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (a)	204.227.000.000	-	204.227.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>204.227.000.000</b>	<b>-</b>	<b>204.227.000.000</b>	<b>-</b>

(a) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019 và phụ lục số 02 ngày 29 tháng 10 năm 2019, số tiền góp vốn là 204.227.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000VND. Đến thời điểm hiện tại Trung tâm sản nhi đã đi vào hoạt động.

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị và dụng cụ Y Khoa 3P	1.268.700.000	1.268.700.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bông Sen	203.857.947	203.857.947
Công ty Cổ phần cơ khí Trung Tân	1,150,050,000	1,150,050,000
Công ty Cổ phần phát triển vật liệu chịu lửa NOVAREF	286.180.502	286.180.502
Công ty Cổ phần phát triển vật liệu chịu lửa	600.280.427	600.280.427
Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	6,080,000,000	
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm ViNam	750,000,000	
Công ty cổ phần phát triển công nghệ Hạ Long Kyoto	5.410.800.000	
Các nhà cung cấp khác	1.358.696.209	330.063.089
<b>Cộng</b>	<b>17,108,565,085</b>	<b>3.839.131.965</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm do thoái vốn	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.469.992	-				17.469.992
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			8.080.800			8.080.800
Thuế nhập, xuất khẩu			4.810.000			4.810.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	43.420.117	472.472.922			429.052.805
Thuế thu nhập cá nhân	234.306.744	-	73.081.616	253.731.026		53.657.334
Các loại thuế khác	-	-				-
<b>Cộng</b>	<b>251.776.736</b>	<b>43.420.117</b>	<b>463.433.360</b>	<b>(133.979.160)</b>	<b>(250.880.817)</b>	<b>513.070.931</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế 5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện Không chịu thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%
- Doanh thu xuất khẩu	0%

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	-
Phí ủy thác đầu tư	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	652.391.780	249.000.000
<b>Cộng</b>	<b>652.391.780</b>	<b>249.000.000</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	40.423.216	7.969.877
Bảo hiểm y tế	7.235.982	1.503.948
Bảo hiểm thất nghiệp	2.033.642	283.764
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.403.763.327	936.714.080
<b>Cộng</b>	<b>2.463.064.740</b>	<b>1.019.027.242</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2022

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	251.999.740.000		2.863.107.311	95.894.846.157	1.171.479.111	351.929.172.579
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	180.000.000.000	(70.000.000)				179.930.000.000
Cổ đông không kiểm soát góp vốn tại Công ty						
Lợi nhuận trong năm				60.898.426.020	2.250.000.000	2.250.000.000
Chia cổ tức tại Công ty con					1.035.427.128	61.933.863.148
Giảm do thoái vốn				(293.545.544)	(936.714.080)	(936.714.080)
Số dư cuối kỳ năm trước	431.999.740.000	(70.000.000)	2.863.107.311	156.499.726.633	(1.237.590.185)	(1.531.135.729)
					2.282.601.974	593.575.175.918
Số dư đầu năm nay	431.999.740.000	(70.000.000)	2.863.107.311	156.499.726.633	2.282.601.974	593.575.175.918
Tăng vốn bằng tiền					2.800.000.000	2.800.000.000
Lợi nhuận trong kỳ		(123.750.000)		34.474.824.621	298.325.018	34.649.399.639
Chia cổ tức, lợi nhuận						
Số dư cuối kỳ	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	190.974.551.254	5.380.926.992	631.024.539.773
Cổ phiếu						
		Số cuối kỳ		Số đầu năm		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành						
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		43.199.974		43.199.974		
- Cổ phiếu phổ thông		43.199.974		43.199.974		
- Cổ phiếu ưu đãi						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		43.199.974		43.199.974		
- Cổ phiếu phổ thông		43.199.974		43.199.974		
- Cổ phiếu ưu đãi						
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND						

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	36.700.252.001	24.099.876.002
<b>Cộng</b>	<b>36.700.252.001</b>	<b>24.099.876.002</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Là khoản chiết khấu bán hàng.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.501.004.549	10.089.397.634
<b>Cộng</b>	<b>15.501.004.549</b>	<b>10.089.397.634</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý I/2022</u>	<u>Quý I/2021</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	161.226.678	805.646
Cổ tức, lợi nhuận được chia chứng khoán kinh doanh		
<b>Cộng</b>	<b>161.226.678</b>	<b>805.646</b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí tài chính	468.035.044	21.729.410
<b>Cộng</b>	<b>468.035.044</b>	<b>21.729.410</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí bán hàng	468.035.044	21.729.410
<b>Cộng</b>	<b>468.035.044</b>	<b>21.729.410</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.773.67.365	954.533.252
<b>Cộng</b>	<b>1.773.67.365</b>	<b>954.533.252</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Chi phí khác	6.954.615	2.379.019
<b>Cộng</b>	<b>6.954.615</b>	<b>2.379.019</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.843.853.301	12.723.787.471
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập		

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**  
 cho kỳ báo cáo tài chính năm 2021

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm</i>	-6.954.614	(2.379.019)
<i>Lãi lỗ do hợp nhất</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	18.188.004.870	10.561.105.371
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	0	
Thu nhập chịu thuế	662.803.045	2.162.682.100
Lỗ công ty mẹ được quyết toán riêng		
Thu nhập miễn thuế tại công ty con		
Thu nhập tính thuế		-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i></b>	<b>132.560.609</b>	<b>432.536.421</b>
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i></b>		-
<b><i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i></b>		
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.711.292.692	12.291.251.050
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.711.292.692	12.291.251.050
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	43.199.974	43.199.974
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>425</b>	<b>303</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	43.199.974	25.199.974
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm		18.000.000
Ảnh hưởng do tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>43.199.974</b>	<b>43.199.974</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



**Chữ Thị Ngọc Hà**

**Phạm Thị Minh Thư**

**Nguyễn Minh Tâm**